**Đề Kiểm Tra Kinh Tế Vĩ Mô Của Nhóm 2**

**Tên:**

**Lớp:**

**MSSV:**

**Bảng Trắc Nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |

**Câu 1. Khi nền kinh tế đang có lạm phát cao nên:**

1. Giảm lượng cung tiền, tăng lãi suất
2. Giảm chi ngân sách và tăng thuế
3. Các lựa chọn trên đều sai
4. Các lựa chọn trên đều đúng

**Câu 2. Công thức GNP:**

1. GNP = GDP + NIA
2. GDP = GNP + NIA

C. GNP = GDP - NIA

D. NIA = GDP + GNP

**Câu 3. Kinh tế Vĩ Mô là:**

1. Nghiên cứu giá cả, sản lượng và thị trường riêng rẻ
2. Khoa học nghiên cứu tổng thể hành vi của cả nền kinh tế, xem xét mức sản lượng, mức thất nghiệp và mức giá chung của một quốc gia
3. Cả A và B đều đúng
4. Cả A và b đều sai

**Câu 4. Khoản chi nào sau đây của chính phủ là chi chuyển nhượng?**

1. Chi trả lương công chức
2. Chi mua văn phòng phẩm
3. Chi đào tạo cán bộ công chức
4. Chi trợ cấp trẻ em không nơi nương tựa

**Câu 5. giảm phát là tình trạng:**

1. Chỉ số giá tiêu dùng năm hiện thành thấp chỉ số giá tiêu dùng năm trước đó
2. Tỉ lệ lạm phát bé hơn 0
3. Câu A và B đúng
4. Câu A và B sai

**Câu 6. Các chỉ tiêu SNA:**

1. GNP, GDP, NNP, NDP, NI, PI, DI
2. GDP, GNP, CPI, NIA, NI, GDPn
3. NNP, PI, GDPr, NNP, NI, PI
4. GDP, GNP, NNP, CPI, NIA

**Câu 7. GDP tính theo phương pháp chi tiêu là tổng của:**

1. Tiêu dùng cá nhân, đầu tư, chi tiêu của chính phủ, xuất khẩu ròng
2. Tiêu dùng cá nhân, đầu tư ròng, chi tiêu của chính phủ, xuất khẩu ròng
3. Tiêu dùng cá nhân, đầu tư, chi chuyển nhượng của chính phủ, xuất khẩu ròng
4. Tiêu dùng cá nhân, đầu tư, chi tiêu của chính phủ, xuất khẩu, nhập khẩu

**Câu 8. Chi tiêu nào sau đây được tính vào GDP của VN:**

1. Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai trồng cây cao su tại Lào
2. Tập đoàn Viettel đầu tư sang thị trường Campuchia
3. Coca-Cola xây dựng nhà máy tại Bình Dương
4. Công ty EuroAuto ở VN nhập khẩu xe BMW có giá trị 100.000USD

**Câu 9. Công thức tính thu nhập ròng từ các yếu tố bên ngoài:**

1. Thu nhập ròng từ nước ngoài = Thu nhập do xuất khẩu yếu tố sản xuất - Thu nhập do nhập khẩu yếu tố sản xuất
2. Thu nhập ròng từ nước ngoài = Hệ số giảm phát GDP + tổng thu nhập quốc gia
3. Thu nhập ròng từ nước ngoài = tổng sản phẩm quốc dân - Tổng sản phẩm quốc nội
4. Thu nhập ròng từ nước ngoài = GDP danh nghĩa + GDP thực tế

**Câu 10. Nếu GDP lớn hơn GNP của VN thì:**

1. Người nước ngoài đang sản xuất ở VN nhiều hơn so với người VN đang sản xuất ở nước ngoài
2. Người VN đang sản xuất ở nước ngoài nhiều hơn so với người nước ngoài đang sản xuất ở VN
3. GDP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa
4. GNP thực tế hơn GNP danh nghĩa
5. Gía trị hàng hóa trung gian lớn hơn giá trị hàng hóa cuối cùng

**Câu 11. Các nhóm phân loại lạm phát**

1. Lạm phát vừa phải, lạm phát phi mã, siêu lạm phát
2. Lạm phát tối ưu, lạm phát phi mã, siêu lạm phát
3. Lạm phát tối thiểu, lạm phát phi mã, siêu lạm phát
4. Lạm phát vừa phải, lạm phát tối ưu, siêu lạm phát

**Câu 12. Lạm phát phi mã:**

1. >10%, <200%
2. > 10%, <1000%
3. >1000%
4. <200%

**Câu 13. Nếu GDP bình quân thực tế của năm 2000 là 18,073 và GDP bình quân thực tế của năm 2001 là 18,635 thì tỉ lệ tăng trưởng của sản lượng thực tế trong thời kì này bao nhiêu?**

1. 3.0%
2. 3.1%
3. 5.62%
4. 10.0%

**Câu 14. Công thức tính tổng cầu**

1. AD = C - I + G +X - M
2. AD = C + I + G - X - M
3. AD = C + I + G + X - M
4. AD = C - I - G + X + M

**Câu 15. Khái niệm tổng cầu là:**

A. Là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ nội địa mà các chủ thể trong nền kinh tế không sẵn sàng mua tại mỗi mức giá, trong một thời kì nhất định, với các điều kiện khác không đổi

B. Là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ nội địa mà các chủ thể trong nền kinh tế sẵn sàng mua tại mỗi mức giá, trong một thời kì nhất định, với các điều kiện khác thay đổi

C. Là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ nội địa mà các chủ thể trong nền kinh tế sẵn sàng mua tại mọi mức giá, trong một thời kì nhất định, với các điều kiện khác không đổi

D.Là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ nội địa mà các chủ thể trong nền kinh tế sẵn sàng mua tại mỗi mức giá, trong một thời kì nhất định, với các điều kiện khác không đổi

**Câu 16. Khái niệm tổng cung là:**

1. Là giá trị tổng sản lượng hàng hóa và dịch vụ mà các doanh nghiệp trong nền kinh tế sẵn lòng cung ứng tại mọi mức giá, trong mọi khoảng thời gian với các điều kiện khác không đổi
2. Là giá trị tổng sản lượng hàng hóa và dịch vụ mà các doanh nghiệp trong nền kinh tế sẵn lòng cung ứng tại mỗi mức giá, trong một khoảng thời gian nhất định với các điều kiện khác không đổi
3. Là giá trị tổng sản lượng hàng hóa và dịch vụ mà các doanh nghiệp trong nền kinh tế không sẵn lòng cung ứng tại mỗi mức giá, trong một khoảng thời gian nhất định với các điều kiện khác không đổi
4. Là giá trị tổng sản lượng hàng hóa và dịch vụ mà các doanh nghiệp trong nền kinh tế sẵn lòng cung ứng tại mỗi mức giá, trong một khoảng thời gian nhất định với các điều kiện khác thay đổi

**Câu 17: Tổng cung ngắn hạn là gì:**

1. Là phản ánh mối quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu vào thay đổi
2. Là phản ánh mối quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu ra không thay đổi
3. Là phản ánh các mối quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu ra thay đổi
4. Là phản ánh mối quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu vào chưa thay đổi

**Câu 18: Tổng cung dài hạn là:**

1. Là phản ánh mối quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu ra không đổi cùng tỉ lệ với mức giá đầu vào của sản phẩm
2. Là phản ánh mối quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu vào thay đổi cùng tỉ lệ với mức giá đầu ra của sản phẩm
3. Là phản ánh mối quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu vào không đổi cùng tỉ lệ với mức giá đầu ra của sản phẩm
4. Là phản ánh mối quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các sản phẩm đầu vào thay đổi không cùng tỉ lệ với mức giá đầu ra của sản phẩm

**Câu 19 : Cho biết chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam, Pháp và Ý được cho trong bảng dưới đây.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Việt Nam | | | Pháp | | | Ý | | |
| **Tháng** | **CPI** | **%LP** | **Tháng** | **CPI** | **%LP** | **Tháng** | **CPI** | **%LP** |
| 1 | 684,9 |  | 1 | 65,6 |  | 1 | 47,3 |  |
| 2 | 724,5 |  | 2 | 83,4 |  | 2 | 74,6 |  |

Tính tỷ lệ lạm phát ở các quốc gia trên ? ( với tháng 1 là tháng gốc )

1. 5,781 ; 27,134 ; 57,716
2. 38,65 ; 18,98 ; 20,57
3. 45,12 ; 68,98 ; 57,12
4. 78,14 ; 89,64 ; 67,24

**Câu 20 : Thất nghiệp cơ cấu là gì ? :**

1. Là hiện tượng thất nghiệp xảy ra do nền kinh tế chuyển đổi cơ cấu, hoặc do khoa học kỹ thuật không phát triển , tạo ra sự không đồng bộ giữa trình độ, kỹ năng của người lao động và yêu cầu của người tuyển dụng .
2. Là hiện tượng thất nghiệp xảy ra do nền kinh tế chuyển đổi cơ cấu, hoặc do khoa học kỹ thuật phát triển , tạo ra sự đồng bộ giữa trình độ, kỹ năng của người lao động và yêu cầu của người tuyển dụng .
3. Là hiện tượng thất nghiệp xảy ra do nền kinh tế chuyển đổi cơ cấu, hoặc do khoa học kỹ thuật phát triển , tạo ra sự không đồng bộ giữa trình độ, kỹ năng của người lao động và yêu cầu của người tuyển dụng .
4. Là hiện tượng thất nghiệp xảy ra do nền kinh tế chuyển đổi cơ cấu, tài chính , hoặc do khoa học kỹ thuật phát triển , tạo ra sự không đồng bộ giữa trình độ, kỹ năng của người lao động và yêu cầu của của người tuyển dụng .

**Tự Luận :**

Câu 21 : Công thức tính tỉ lệ lạm phát là :

Câu 22 : Công thức tính tốc độ tăng trưởng :

Câu 23 : Trên lãnh thổ một quốc gia chỉ sản xuất 3 loại sản phẩm: bánh quy, nhựa đường và khoai tây. Giá cả (p) và sản lượng (q) của chúng được cho trong bảng sau: (kiểm tra lại đáp án CPI năm 1995)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Sản phẩm** | **1994** | | **1995** | | **1996** | |
|  | **p** | **q** | **p** | **q** | **p** | **q** |
| **Bánh quy** | 1 | 200 | 1.5 | 300 | 2.5 | 250 |
| **Nhựa đường** | 10 | 1000 | 12 | 1200 | 12.5 | 1300 |
| **Khoai tây** | 1 | 200 | 2 | 300 | 2 | 400 |

Chọn năm1994 làm năm gốc.

a/Tính chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cho năm 1995 và 1996 dựa trên ba mặt tiêu dùng?  
b/ Tính tỷ lệ lạm phát năm 1995 và 1996?

Câu 24 : Sau khi dịch bệnh Covid 19 bùng phát thì cung và cầu của thị trường diễn ra như thế nào ? Vẽ đồ thị biểu diễn ? Nhận xét về tỷ lệ lạm phát và sản lượng của nước ta ?

**Đáp án tự luận**

Câu 21:

t=

Câu 22:

Câu 23 :

1. (CPI) 1995 = 1,221

(CPI) 1996 = 1,288

1. Tỷ lệ lạm phát năm 1995 : 22,1%

Tỷ lệ lạm phát năm 1996 : 28,8%

Câu 24 :

Do dịch bệnh nổ ra nên cả cung và cầu đều giảm :

* Lạm phát không thay đổi
* Sản lượng giảm

P

P

**E2****E1****E2 E1**

**Y1**

**Y2**

**AD2**

**Y2**

**Y1**

Y

**AS2**

**AS1**

**AD1**

**AD2**

**P2**

**P1**

Y

**AS1**

**AS2**

**AD1**

**P2**

**P1**